

**Bài 1. Gạch chân dưới các cụm từ chỉ thời gian. Sau đó cho dạng đúng của động từ trong ngoặc ở thì Hiện tại đơn hoặc Hiện tại tiếp diễn.**

1. I \_\_\_\_\_ Peter tonight. He \_\_\_\_\_ us to a restaurant. (meet/ take)
2. The ferry \_\_\_\_\_ at 9.00 from Dover and \_\_\_\_\_ at 10.45 in Calais. (leave, land)
3. My parents \_\_\_\_\_ their wedding anniversary next Sunday. They \_\_\_\_\_ to Paris (celebrate, go)
4. I \_\_\_\_\_ a lecture this afternoon. And I \_\_\_\_\_ tomorrow either. (not give, not teach)
5. Why \_\_\_\_\_ the exhibition \_\_\_\_\_ tomorrow? When \_\_\_\_\_ it \_\_\_\_\_ place instead? (not open, take)
6. How \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ to the party tonight? \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ a bus? (go, catch)

**Bài 2. Dựa vào từ cho sẵn, sắp xếp lại các từ và viết thành câu hoàn chỉnh ở thì Hiện tại đơn hoặc Hiện tại tiếp diễn sao cho phù hợp.**

1. to the dentist/ go/ I/ tomorrow.

---

2. tonight/ with/ have/ our business partner/ we/ dinner.

---

3. on/ my holiday/ July/ begin/ 10<sup>th</sup>

---

4. depart/ the train/ at 11.30/ platform 5/ from/.

---

5. to Africa/ you. When exactly/ fly/.

---

6. end/ when/ the art exhibition/.

---

7. go/ to the garden/ Miss Pitt/ on Sunday/.

---

8. at 9.45/as usual/ the plane/ take off/.

---